

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THANH HOÁ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30-01- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thắm

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:

Bà: Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX- ST, ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị L - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Liên Phong, xã Thọ N, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Xóm 6, xã Nga V, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh Q (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/12/2018 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Q kết hôn với nhau vào ngày 27/11/2006, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Thọ N, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế gặp khó khăn, vợ chồng cùng nhau vào tỉnh Bình Dương làm ăn. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q thường xuyên rượu chè, đánh đập, hành hạ và xúc phạm đến chị và gia đình. Ngày 30/12/2017, chị đã cùng các con trở về nhà mẹ đẻ ở Liên phong, xã Thọ N sinh sống. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh Q cũng có lên nhà bố mẹ chị để sinh sự nhiều lần. Được gia đình khuyên giải nhưng anh Q vẫn không có sự thay đổi. Nay xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị đề nghị được ly hôn anh Q theo quy định.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2014. Sau ly hôn, chị đề nghị được nuôi 2 con,

không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: anh nhất trí như chị L đã trình bày về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do chị L muốn ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí. Về con: vợ chồng có 02 con chung như chị L đã trình bày. Nếu ly hôn, anh đồng ý để 2 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ anh đề nghị mẹ đẻ chị L phải trả số tiền 10.000đ cho anh.

Do các bên có tranh chấp về việc nuôi con, ngày 28/9/2018, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến con chưa thành niên theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Đối với thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tiến hành giao thông báo này cho các đương sự. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị Trịnh Thị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu. Anh Nguyễn Văn Q không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị L nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý; không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ; Về con anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Đức D, còn cháu Nguyễn Thị Yến N giao chị L nuôi dưỡng, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Do các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Q; đề nghị nuôi 02 con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng phải đi làm ăn xa. Tuy nhiên anh Q thường rượu chè, đánh đập chị. Do đó, chị đã cùng các con trở về gia đình mẹ đẻ sinh sống từ ngày 30/12/2017. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị L đề nghị được ly hôn anh Q, anh Q cũng nhất trí. Căn cứ vào yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 21/12/2014. Hiện nay 02 cháu đều đang ở cùng chị L. Sau ly hôn, chị L đề nghị được nuôi 2 con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Quan điểm anh Q cũng đề nghị được nuôi 01 con, giao chị L nuôi 01 con, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, việc đề nghị xin được nuôi con của các đương sự là chính đáng, các bên đều là lao động tự do, đều có thu nhập từ công việc của mình. Anh Q yêu cầu nuôi con nhưng anh đang đi làm ăn xa. Thực tế các cháu đang ở cùng chị L ổn định và thuận lợi cho việc học hành của các cháu. Mặt khác, nguyện vọng của cháu D xin được ở cùng mẹ và cháu N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ về mọi mặt. HĐXX chấp nhận đề nghị của chị L về nuôi con và anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị L, cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 21/12/2014 cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2017/0004955 ngày 04/12/2018 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Thọ N, Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

